

Nguyên gốc Việt Nam của tên 12 con giáp - Mão/Mẹo/mèo - phần (4A)

nguyencungthong@yahoo.com

Các bài viết trước (phần 1, 2, 3) cho tóm tắt các liên hệ của tên 12 con giáp đến tên gọi các con vật trong tiếng Việt - sự tương đồng này rất dễ nhận ra từ Mão/Mẹo/mèo, Ngọ/ngựa cho đến những tiếng Việt Cổ hơn như Dần-kểnh, Thân-khôn/khọn ... mà ta phải dựa trên cách thành lập chữ Hán để tìm ra. Từ bài này (phần 4 trở đi) sẽ đi vào chi tiết từng tên mỗi chi một, hi vọng sẽ cởi bỏ các lớp bụi thời gian và không gian sau bao ngàn năm để chứng tỏ rằng 12 tên con giáp rất gần với tiếng Việt chúng ta, nếu không là chủ nhân các tên con giáp. Người viết sẽ tránh dùng thuật ngữ để người đọc dễ cảm nhận các bài viết này hơn, thanh điệu của một chữ được ghi bằng số và đứng sau chữ đó, khác với cách ghi thanh điệu tiếng Việt hay phiên âm (pinyin) giọng Bắc Kinh.

1. Giới thiệu tổng quát

Mười hai con giáp cho thấy khuynh hướng xa lìa dần thiên nhiên của con người : từ 12 con thú tiêu biểu khi xưa cho đến chỉ vài con vật nuôi trong nhà (pets) hiện tại như mèo và chó mà thôi. Có những con đã 'mất dạng' ngay từ lúc 12 con giáp ra đời như rồng, và có những con đang từ từ ít đi như trâu, cọp ... Mão hay Mẹo 卯 là từ Hán Việt (HV) chỉ chi thứ 4 trong 12 chi (thập nhị chi) - giọng Bắc Kinh (BK) bây giờ là mǎo theo pinyin (phiên âm phổ thông bây giờ, bình âm) viết bằng bộ tiết (bộ thủ thứ 26). Mão dùng để chỉ thời gian, từ 5 giờ đến 7 giờ sáng hay tháng hai, và chỉ phương đông trong không gian. Theo thiên văn cổ Trung Hoa (TH) và ngay đến bây giờ, biểu tượng của Mão là con thỏ so với con mèo của văn hoá Việt Nam. Một cách giải thích sự khác biệt này là sự cố tình đổi chữ và âm của người TH thời tiền Hán như đã nói trong phần 2 đã được đăng (phần nguồn gốc oan trái của tên 12 con giáp, lưu trữ vào tháng 6, 8 năm 2006 trên khoa hoc.net). Ngoài ra, mèo rất gần với đời sống dân ta qua những thành ngữ hay ca dao tục ngữ như 'ăn như mèo người', 'mèo già hoá cáo', 'khí vẫn là khí, mèo vẫn hoàn mèo', 'mèo cào không sè vách vôi', 'mèo mù vớ được cá rán', 'mèo vật đồng rơm', 'mèo hay ỉa bết', 'mèo uống nước bể chẳng bao giờ cạn', 'mèo nhỏ bắt chuột con', 'mèo nhỏ bắt chuột to' hay 'mèo con bắt chuột cống' - 'mèo vật đồng rơm', 'mèo nào cắn mỉu nào'...và ...'con mèo mà trèo cây cau, hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà...'

`Con mèo con mèo con meo
Muốn ăn thịt chuột phải leo xà nhà'

Hay 'Mèo khen mèo dài đuôi
Chuột khen chuột nhỏ để chui để trèo'

Hay 'Mèo lành ai nữ cắt tai
Gái kia chồng rầy khoe tài chi em'

Và 'Mèo hoang lại gặp chó hoang
Anh đi ăn trộm gặp nàng bứt khoai'

'Mèo lành ở mà bao giờ
Của yêu ai có bày ra ở ngoài'

Và

'Mèo tha miếng thịt xôn xao
Kểnh tha con lợn thì nào thấy chi'

Các câu này được người viết nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong các bài viết vì trong đó có hình ảnh 3 con vật cũng là biểu tượng cho 3 chi thuộc 12 con giáp, ngoài ra các câu này rất sâu sắc cho thấy tim đen con người (trích từ cuốn 'Tục Ngữ Phong Dao' tác giả Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc và 'Từ điển thành ngữ ca dao' Viện Ngôn Ngữ Học 1994)

Mèo được nuôi ở khắp nơi trong nước, và cũng có nhiều loại mèo hoang. Ở nông thôn, người ta thường chôn mèo chết dưới gốc cây khế chua, cho rằng như vậy sẽ làm cho khế ngọt. Từ mèo được dùng một lần trong truyện Kiều

'Ra tuồng mèo mà gà đồng' (câu 1731)

Cách dùng 'mèo' để chỉ người tình, cũng như 'mèo mỡ', 'mèo thấy mỡ'... không thấy dùng trong ngôn ngữ TH, cho thấy sự rất gần gũi của loài mèo với con người Việt Nam. So với cách dùng mèo trong văn hoá TH, ta thấy trong vốn từ bây giờ có chữ 貓 miêu HV, māo/máo BK - giọng Quảng Đông là miu4, mau4, mau1, giọng Hẹ là miu2, miu5 ... viết bằng bộ trĩ (loài bó sát không có chân, bộ thủ thứ 153) hợp với chữ miêu (mầm mống) hài thanh (HT) hay bộ khuyến hợp với chữ miêu HT. Tương phản với văn hoá Việt, miêu ít thấy dùng trong các thành ngữ hay ca dao tục ngữ TH - chỉ vài ba câu như

'Miêu thử đồng miên'
(mèo chuột ngủ chung, ý nói sự a dua làm chuyện xấu)

'Miêu khốc lão thử già từ bi'
(mèo khóc khi chuột chết, ý nói sự đạo đức giả)

Các thành ngữ ca dao dính líu đến mèo thường mang tính cách tiêu cực trong cả hai nền văn hoá VN hay TH, như một điển tích đời Đường cho thấy

‘Lý Miêu tên là Lý Nghĩa Phú, tính nham hiểm mà ngoài mặt vẫn giữ vẻ hiền lành nên người đương thời gọi là Lý Miêu’ (Tâm Nguyên Tự Điển, Bửu Kế)

Nếu hình ảnh con mèo rất hiếm thấy trong văn hoá TH thì ngược lại, chúng ta thường gặp hình ảnh con thỏ hơn - một loài vật hình dạng giống như mèo như hai tai rất lớn, khối lượng (mass) cũng gần nhau ... - chúng ta sẽ trở lại vấn đề này khi phân tách chữ viết/khắc cổ của chữ mèo và thỏ vì chữ viết (Hán Cổ, như Giáp Cốt Văn, Chung Đỉnh Văn) thường tượng hình. Lông thỏ thường dài hơn lông mèo và dùng làm bút để viết chữ Hán. Loài thỏ chịu được nhiệt độ cao nhất khoảng 32°C so với loài mèo chịu được tối đa 52°C, phản ánh loài vật sống ở miền lạnh cùng với dân du mục¹ ở phương Bắc so với loài vật sống ở phương Nam ấm hơn với khuynh hướng sống về nông nghiệp.

Thỏ hay thổ HV 兔 viết bằng bộ nhân cho thấy sự quan trọng của chữ này trong ngôn ngữ TH, giọng BK bây giờ là tù so với giọng QĐ tou3, Họ là tu5, Ngô là thu5 ... Xem lại các truyền thuyết trong văn hoá dân gian ta thấy bóng đen² trên mặt trăng ‘giống hình’ chú cuội ngồi gốc cây đa... khác hẳn với truyền thuyết TH về con thỏ trên mặt trăng nên mặt trăng³ còn được gọi là ngọc thổ, thỏ bạc, thỏ ngọc, bóng thỏ (bóng trăng), thỏ phách, bạch thổ (con thỏ trắng già thuốc, ý chỉ mặt trăng) ... hay thành ngữ ‘thỏ giỡn trăng’, ‘thỏ thoát’ (thoát đi như thỏ) ... cũng như một số thành ngữ cổ điển HV như

‘Thỏ tử cầu phanh’

(hễ thỏ chết thì đến lượt chó bị làm thịt, hết dùng được thì ăn đi)

‘Thổ tử hồ bi’

(thỏ chết thì ngay cả cáo/chồn cũng buồn thương)

‘Thỏ dinh tam quật’

(thỏ khôn có ba hang, có nhiều cách tính và lối thoát)

Cũng như ‘Giảo thổ tam quật’

(thỏ khôn có ba hang, khôn có nhiều lối thoát)

‘Thỏ khởi phù cử’

(nhanh như thỏ và vọt trời khi khởi động)

‘Thỏ khởi ban cứu lạc’

(nhanh như thỏ chạy hay chim ban cứu đáp)

‘Thỏ ti yến mạch’

(chỉ có hư danh thỏ, ‘có tiếng mà không có miếng’)

‘Thỏ tử bất ngật oa biên thảo’

(thỏ không ăn cỏ ở gần ổ, ý nói kẻ gian không lương lẹo với hàng xóm)

‘Thỏ tử vi ba trường bất liễu’

(đuôi thỏ không dài ra được, ý nói một sự kiện rõ ràng ‘như ban ngày’)

‘Thủ chu đãi thổ’

(khư khư chờ thỏ đến, như ‘há miệng chờ sung rụng’ việc khó đến)

Thật ra, thỏ đã hiện diện ngay trong Kinh Thi⁴ qua tựa một thiên là Thổ Thủ (đầu thỏ),

‘Hữu thổ tư thủ, bào chi táo chi’

(có đầu thỏ để quay để nướng, ý nói vật nhỏ cũng có công dụng ...)

Các thí dụ trên cho thấy hai nền văn hoá VN và TH phát triển rất khác nhau qua hình ảnh mèo và thỏ. Ngay trong tiếng nói hàng ngày, tiếng Việt chỉ dùng nhóm từ sút môi (hare lip, cleft lip) so với tiếng TH là tùchún (giọng BK hay thổ thần HV, môi thỏ ý nói sút môi giống loài thỏ)⁵ và chúnliệt (thần liệt, môi sút) ... Tuy rất xa lạ với tộc Việt, ảnh hưởng về sau của thỏ còn thấy trong truyện Kiều, chữ thỏ được dùng hai lần so với mèo chỉ được một lần mà thôi

‘Ngoài hiên thỏ đã non đoài ngậm gương’ (câu 1370)

‘Lần lần thỏ bạc ác vàng’ (câu 1269)

2. Các liên hệ hay lẫn lộn giữa mèo và thỏ

2.1 Như đã viết ở bài 2 phần ‘Nguồn gốc oan trái của tên 12 con giáp’, mǎn (Việt Cổ) là mèo chỉ hiện diện trong tiếng Việt mà các dạng biến âm khác có thể là miển, mǎn, wan mà tàn tích rất hiếm trong tiếng TH như miển (thỏ con), man (mèo hoang). Biến âm từ oan (hay môi hoá thành man) ra mǎn hay miển có thể giải thích được, nhưng từ chữ miển trở thành thổ như trong cách viết cổ thời Xuân Thu thì khó giải thích hơn – có thể các giọng địa phương bị ‘thanh lọc’ bởi nhóm nắm quyền hành thời đó, hay vì cổ tình thay đổi. Trường hợp này vẫn thấy trong tiếng Việt qua cách gọi chợ Đông Ba (trước là Đông Hoa) hay cầu Bông (trước là cầu Hoa) vì kỵ húy bà Hồ Thị Hoa - mẹ vua Thiệu Trị - giọng địa phương trong trường hợp này là Thừa Thiên. Tương quan Mão-Thổ còn có thể liên hệ đến cách dùng tương đương của mào-thù (oán), mǎo-thù (đều nghĩa là đầu), mào-thụ/thọ (sống già)... Điều này còn thấy trong một cách đọc **qǔ** (thủ/thỏ HV)⁶ rất khác với âm **miáo** (mão, miêu HV) của thành phần HT của chữ miêu (mèo).

2.2 Ngoài ra, một chữ hiếm thấy là nâu/nậu⁶, viết bằng bộ thanh hợp với chữ thổ, giọng BK bây giờ là náu, nau⁴ QĐ, neu² Hẹ cũng như một giọng đọc Hẹ nữa là **wan5** – theo người viết chính là một dạng của âm măn phương Nam (mèo). Chữ này có nghĩa là một tên cũ của thỏ. Xem cách viết/khắc cổ của chữ thổ và miễn, ta thấy rất giống nhau (hai lỗi tai rất rõ nét) trừ một dấu phẩy ở bên phải chỉ đuôi con thỏ.

Các chữ hiếm khác như lưu, liễu HV (líu, liú BK) viết bằng bộ thủ (chuột) hợp với chữ mao HT hay lưu HT đều có nghĩa là một loài thú có kích thước như con thỏ - điều này cho thấy cách phân loại xưa kia rất mơ hồ và rất dễ lẫn lộn. Thành ra mèo và thỏ rất dễ thay đổi cho nhau mà ít ai có thể nhận ra được !

2.3 Ta hãy xem vài tiếng vẫn còn dùng trong vốn từ TH hiện nay : **thổ tôn** HV (tùsūn BK hay sá-lị tôn shēlisūn BK) là một loại mèo hoang hay **mèo** rừng dù rằng dùng chữ thổ/thỏ. Loài mèo này có lông dày làm áo lạnh rất tốt (theo Từ Nguyên). **Dã miêu** HV hay yēmāo BK có nghĩa là **thỏ** rừng hay mèo rừng!

2.4 Ngay cả nhà bác học Lê Quý Đôn (1726-1784) đều dẫn giải chi thứ tư Mảo bằng con thỏ, so với tự điển Việt-Bồ-La (1651) của giám mục Alexandre de Rhodes – ghi nhận giờ Mẹo (mèo) bằng con mèo trước 'Vân Đài Loại Ngữ' hơn cả trăm năm ! Điều này cho thấy tình trạng hỗn loạn của văn chương 'bác học' lệ thuộc vào tiếng TH hay HV (nâng cấp mèo thành ra thỏ), tương phản với văn chương bình dân vẫn khư khư giữ nguyên dạng cũ (mèo). Nhờ các sự sai biệt này mà ta có cơ hội để truy nguyên các chữ.

2.5 Trong khi tra cứu thêm về dữ kiện khảo cổ để viết bài này, người viết có dịp đọc qua một bản tin từ Tân Hoa (Xinhua News Agency, ngày 22 tháng Tám, 2006) trên mạng⁷ về các xương thú tìm thấy sau khi bị chôn sống cách đây khoảng 1700 năm. Các xương thú vật tìm thấy gồm có **mèo**, chó, heo, dê, trâu và trâu... Đây là lần thứ hai xương các con mèo được tìm thấy trong những mộ cổ khai quật bên Trung Hoa. Những khám phá về khảo cổ ở TH và Việt Nam rất quan trọng để kiểm nghiệm lại nguồn gốc chính xác của 12 con giáp, hỗ trợ cho kết quả từ ngôn ngữ học - tại sao không có xương thỏ ? Mèo là loài động vật ăn thịt (carnivore) và săn đuổi chuột, mà lại không ăn hại thóc lúa nên rất thích hợp cho xã hội nông nghiệp – khác với loài thỏ. Năm 2004, xương mèo và người đã được tìm thấy ở Cyprus (xem thêm <http://en.wikipedia>) và tuổi ngôi mộ cổ này ước lượng cách đây khoảng 9500 năm cho thấy thời kỳ thuần hoá mèo xảy ra khá lâu.

Tóm lại, mèo và thỏ rất dễ bị lẫn lộn mà tàn tích còn thấy trong các cách dùng trên. Có tác giả cho rằng nước Việt xưa không có thỏ, nên đổi thỏ qua mèo - người viết không đồng ý vì không phù hợp với các dữ kiện ngôn ngữ trên và sự thay đổi chữ miễn/măn thành chữ thổ. Các điều này cho thấy nguyên thủy chi thứ tư có thể là Mảo/Mẹo/mèo và bị đổi thành thỏ, cũng phù hợp với ảnh hưởng văn hoá Cổ Đại của phương Nam (lên phương Bắc TH) trước khi TH thống nhất, thời kỳ Tần Hán và sau đó văn học Đường Tống khởi sắc và chiều ảnh hưởng lại từ phương Bắc lan ra khắp nơi.

3. Phụ âm đầu m- của Mão/Mẹo/mèo

Chữ Mão 卯 thường được dùng làm thành phần HT để tạo ra các chữ Hán khác như sao Mão (bộ nhật hợp với chữ Mão), sông Mão (bộ thủy hợp với chữ Mão), như liễu (cây liễu, bộ mộc hợp với Mão), mậu (mua bán, bộ bối hợp với chữ Mão) - mậu HV còn là mù, loà - để ý các âm đầu m và l ... Nhưng cũng có khi đọc khác hơn như chữ lưu (ở lại, bộ điền hợp với chữ Mão), kiếu/giáo (hầm hồ, bộ huyết hợp với chữ Mão, có thể đọc là liêu/lưu) ... Các dạng trên cùng với các phương ngữ TH như BK, QĐ, Hẹ, Ngô (Thượng Hải) và Hán Việt... cung cấp cho ta một số dữ kiện để có thể phục hồi một dạng âm Thượng Cổ của Mão là *mru? Phù hợp với dạng phục hồi của William Baxter trong cuốn 'A Handbook of Old Chinese Phonology' (1992), để ý phụ âm l có thể hoán chuyển với r, nhưng theo Bernhard Karlgren thì hơi khác với dạng *mlôg trong cuốn 'Grammata serica recensa' (1957). Có những tác giả khác đề nghị dạng lm- thay vì ml- như Andrew Miller chẳng hạn (1951) dựa vào các cách viết và phát âm tiếng Hán Thượng Cổ ...v.v... Dù dạng gì đi nữa, ta dễ nhận ra tàn tích của âm liu- và lau- như đã ghi lại trong phần 2.2 ở trên, cũng như âm miêu của HV. Nhìn rộng ra các tiếng phương Nam chỉ còn mèo như mèo (Kơho), maau (Thái), maau (Lào), chmaa (Kampuchia), maau (QĐ), mào BK ... so với tiếng mèo kêu là miu, meo (Việt), miào BK, miu (Thái) ... cho thấy một tương quan khá rõ nét giữa tiếng mèo kêu và tiếng chỉ con mèo⁸, và đương nhiên là tiếng gọi chi thứ tư Mão/Mẹo/mèo. Vậy mà tài liệu TH từ thời tác giả Vương Sung (27-97, trong 'Thiên Sinh luận' cuốn "Luận Hành" thời Hán) cho đến tận ngày hôm nay vẫn cho rằng thỏ là con vật biểu thị cho chi Mão/Mẹo/mèo !

Phụ âm đầu m có thể là tàn tích của nhóm phụ âm ml- mà ta thấy trong tự điển Việt-Bồ-La như mlầm mlở là lằm lở, mlạt là lạt, mlẽ là lẽ...với âm đầu (tiền tố) m mất đi. Mlầm còn bị ngạc hoá (palatalisation) để cho ra nhằm, mlạt > nhạt, mlẽ > nhẽ, mlớn > lớn và nhớn ... Alexandre de Rhodes cũng nhận ra điều này khi ông ghi mnhằm, mnhẽ là lằm, lẽ. Khuynh hướng ml- ngạc hoá cho ra nh- giải thích được sự hiện diện của chữ nheo : mi > *ni > nheo, lông mi chính là lông nheo. Người viết nhớ lại trong thập niên 1960, khi ảnh hưởng người Mỹ bắt đầu gia tăng ở miền Nam, trong khẩu ngữ từng dùng âm Mèo để chỉ Mỹ/Mĩ cho thấy biến âm i-eo còn có thể xảy ra gần đây hơn

4. Nguyên âm a và e của Mão/Mẹo/mèo

Mẹo và mèo là âm cổ hơn của Mão, các nguyên âm chính ở trước (front vowels) như e thường là dạng âm cổ hơn của các nguyên âm sau (back vowels) như a. Thí dụ :

Xa (Hán Việt)	xe (Việt)	Giao HV	keo V
Hoá	Huế	Giao	kèo
Trà	chè	Giáo	kéo
Hoạ	vẽ	Giả	kẻ
Giáp	kép, kẹp	Báo	beo

Ma	mè (vùng)	Tham	ken, chen
Khoa	khoe	Giảm	kém
Xảo	khéo	Trản	chén
Trạo	chèo	Trảm	chém
...V.V...			

Để ý một số nguyên âm e BK bây giờ đã từng có âm cổ a, hay nguyên âm a BK bây giờ có các dạng âm cổ hơn là o, ô và u – và cũng tùy các phụ âm đứng trước cùng thanh điệu chứ không thống nhất như chuỗi biến âm mèo-Mẹo-Mão⁹. Một điểm đáng chú ý là từ mẹo còn có nghĩa là phương thức (mưo mẹo) khi viết chữ Nôm thì mượn trực tiếp chữ Mão HV. Mưo HV viết bằng bộ ngôn hợp với chữ mỗ HT, giọng BK mớu so với mau4 QĐ, meu2, meu3, miu2, miau3 Hẹ và âm **mẹo** cũng là âm cổ của **mưo** HV vẫn hiện diện trong tiếng Việt. Điều này phù hợp với khuynh hướng tương đồng của nguyên âm sau so với các nguyên âm trước (**o/u ~ e**) cũng như **a ~ e** đã nói phần trên. Ngoài ra yêu¹⁰ HV viết bằng bộ nhục hợp với chữ yêu HT, yăo BK là giọng bây giờ so với jiu1 QĐ, jau1, jeu1, rau1 Hẹ, io1 (Ngô), iau1 (Minnan/Đài Loan) mà eo là một dạng âm cổ hơn được duy trì trong tiếng Việt.

5. Thanh điệu và kết luận phần 4

Nguồn gốc thanh điệu tiếng Việt vẫn gây nhiều tranh luận⁹, tuy nhiên liên hệ mèo-Mẹo và Mão cho thấy những thanh điệu còn lại qua một thời gian giao lưu văn hoá rất lâu. Vài nhận xét sơ khởi là **mả-mồ-mộ** so với **mô, mu, mông, mọng** và giọng BK bây giờ mù, mú (viết bằng bộ thổ hợp với chữ mô HT) mou6 QĐ, mu5, mu6 Hẹ, mo6 (Ngô) và bong7 (Minnan/Đài Loan - để ý dạng bong7 tương ứng với bùng, bông, bung, bỗng...). Các thanh huyền, nặng và ngang đều thuộc thanh (âm) vực trầm (trọc), nhưng thanh hỏi mà cho thấy sự khác biệt do thời gian trong tiếng Việt lâu hơn nên có nhiều biến dạng hơn. So sánh các thanh điệu sau đây

Mẹo HV	Mão HV
đợi	đãi
hoạ	vẽ
lợi/lời	lãi
dị	để
cựu	cũ
dụ	dỗ, rữ
mạo	mữ
từ	chữ
sợ	hãi
tu	sửa, chữa
...V.V...	

Thâm HV hay shēn, shèn BK, sam1 QĐ, chim1, cim1, cihm1 Hẹ, chhim1 (Minnan/Đài Loan), song1 (Ngô/Thượng Hải) có các dạng khác nhau như sâm, xâm (xâm xẩm), **thẳm** (thẳm thẳm), **đậm, thâm** (tối **tăm**)¹¹... cho thấy tương quan thanh điệu như mả-mỗ-mộ-mô trên, cũng như một liên hệ có từ rất lâu - trước thời Đường Tống khi các biến âm sh-th, s-t xảy ra một cách hệ thống hơn và khi hệ thống âm thanh Hán Việt bắt đầu hoàn chỉnh hơn. Liên hệ mèo-Mẹo-Mão và meo cũng phù hợp với những biến đổi thanh điệu như trên : các thanh huyền (mèo), nặng (Mẹo), ngang (meo) và ngã (Mão) đều thuộc thanh vực trầm. Một hiện tượng nên được ghi nhận nơi đây là sự rút ngắn âm cuối¹² (apocope). Tác giả Lê Hữu Mục trong cuốn 'Truyện Kiều và tuổi trẻ' (Toronto, Canada 1998) có nhận xét về '...luật n/i rất nổi tiếng và tôi học được từ thầy tôi..' (trang 93), được trích ra như sau

chui	chun	<i>nguồn viết</i>	bể biển
lụi	lụn	<i>xin thêm vào</i>	chả chẳng
mai	khôi	mân khôi	tí tiểu
bí	bôn	mèo-măn	mơ mộng
mì	miến	tử/tý-tím	vua vương
tươi	tiên	mào-mống	đã/đá đánh
tỏi	toản	vô-vong	tệ tiền
...v.v...		vu-vống	mạ mắng

Hiện tượng rút gọn âm cuối cũng xảy ra trong tiếng TH hiện nay như wú-wáng BK (vô-vống HV), nán-ná BK (nam HV), màn-mù-mò BK (mảnh), xing-sou (tân HV, đỏ) ... hay khi mượn từ tiếng TH vào tiếng Nhật như hōng (hồng) thành ko-, wǎng thành mo- ..

Một số tác giả cho rằng khi rút gọn âm cuối thì tạo ra thanh điệu, điển hình và đầu tiên hết là nhận xét của học giả André Haudricourt trong các bài viết từ năm 1954, sau đó Edwin Pulleyblank bổ túc thêm về nguồn gốc thanh điệu qua các dữ kiện về tiếng Hán Cổ. Thí dụ như vào đầu công nguyên, tiếng Việt không có thanh điệu và quá trính các biến âm ghi lại trong bảng sau (**Đọc thêm: Mai Ngọc Chừ** (vc). *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H. 1997, trang 91-105 ...)

Đầu công nguyên (không thanh)	Thế kỉ thứ VI (ba thanh)	Thế kỉ XII (sáu thanh)	Ngày nay
pa	pa	pa	ba
sla, hla	hla	la	la
ba	ba	pà	bà
la	la	là	là
pas, pah	pà	pà	bà
slas, hlah	hlà	là	là
bas, bah	bà	pã	bã
las, lah	là	lã	lã
pax, pa?	pá	pá	bá

Đầu công nguyên (không thanh)	Thế kỉ thứ VI (ba thanh)	Thế kỉ XII (sáu thanh)	Ngày nay
slax, ba?	hlá	lá	lá
bax, ba?	bá	pạ	bạ
lax, la?	lá	lạ	lạ

Tóm lại, liên hệ của Mão-Mẹo-mèo có thể giải thích qua các dạng âm cổ phục hồi như trên, từ âm tiết đến thanh điệu. Để giải thích sự thay đổi từ mèo qua thỏ/thổ, ta cần có liên hệ của mǎn-mèo qua hiện tượng rút gọn âm và vết tích từ các văn tự cổ : chữ thổ và miễn (hay mǎn HV wǎn BK) viết cùng một chữ trên bia khắc thời Hán và nhà thờ Vũ Lương thời Đông Hán¹³. Thành ra ta có cơ sở để cho rằng Mão-Mẹo đã từng là mèo, nhưng có sự thay đổi chữ viết, có thể vì cách dùng địa phương (nên triều đại đương quyền muốn chỉnh đốn lại) hay là cố tình bôi xoá nguồn gốc 'Nam man' của chi thứ tư chăng ? Hay có thể là đổi loài vật cho hợp với gốc du mục của nhóm cầm quyền ? Nhớ rằng chỉ có tộc Việt¹⁴ mới dùng con mèo cho chi thứ tư mà thôi, các ngôn ngữ khác bị ảnh hưởng văn hoá TH đều dùng thỏ (xem bảng so sánh – bài viết phần 2).

6. Phụ chú và tài liệu tham khảo chính

(1) Bằng cách khôi phục lại môi trường sinh sống của 12 loài vật khi đi ngược dòng thời gian, ta có thể tìm ra được phần nào địa lý (vùng không gian) mà chủ nhân của 12 con giáp đã từng cư ngụ - do đó tăng mức chính xác về nguồn gốc tên 12 con giáp từ lăng kính thời gian và không gian. Đây là một trong những vấn đề còn mở ngõ. Một thí dụ gần đây hơn là loại thỏ sống trên núi bên Mỹ, gọi là **pika**, vì khí hậu thay đổi và nhiệt độ tăng dần làm cho chúng phải lên miền cao hơn để sống và có hiểm hoạ diệt chủng !

(2) Các bóng đen trên mặt trăng thật ra là các thung lũng do chất lỏng nóng (lava) từ các núi lửa xưa chảy xuống. Vì có nhiều chất sắt (iron) nên trở thành màu đen nếu quan sát bằng mắt trần hay viễn vọng kính (telescope) từ trái đất. Các bóng đen này gọi là *maria* (tiếng La Tinh nghĩa là biển) vì các nhà thiên văn xưa kia tưởng chúng là những hồ lớn chứa nước ... Chính các nhà khoa học từng lầm nữa huống chi những người bình thường dùng mắt trần. Các hình ảnh trên mặt trăng không rõ ràng như trên đã tạo ra không biết bao nhiêu huyền thoại tìm thấy qua bao nhiêu nền văn hoá con người.

(3) Hằng Nga hay Thường Nga, vợ Hậu Nghệ, lấy trộm thuốc trường sinh của Tây Vương Mẫu và bay lên cung trăng ở và sống mãi không chết (chuyện Thường Nga bôn nguyệt). Tương truyền Hằng Nga là cô gái rất đẹp.

(4) Kinh Thi là một trong Ngũ Kinh nổi tiếng của TH gồm có 305 bài thơ, có bài viết từ 1000 TCN (Trước Công Nguyên) – tương truyền Khổng Tử (551-479 TCN) có đóng góp trong việc soạn lại Kinh Thi.

(5) Hiện tượng (bệnh) sút môi ít thấy trong các loài chó, và rất là hiếm thấy trong các loài mèo. Năm 2004, một loại gen đặc biệt đã được tìm thấy làm tăng gấp 3 lần khả năng bệnh này. Thổ dân Mỹ và người Á Châu bị nhiều nhất so với dân Mỹ gốc Phi.

(6) xem thêm <http://www.chinalanguage.com/cgi-bin/dict.php>

(7) xem thêm <http://www.china.org.cn/english/features/Archaeology>

(8) phải cẩn thận khi so sánh những tiếng nói khi có thể chúng là tiếng tượng thanh (nhái lại tiếng động của đối tượng, sound symbolism) - rất có thể chúng không có liên hệ họ hàng (họ ngôn ngữ, language family) và các tính chất giống nhau là do sự nhái lại của cùng một âm thanh (cùng nguồn) mà thôi, hay sự trùng hợp có tính cách ngẫu nhiên (accidental). Đây là mục đích của các khảo cứu về nguồn gốc ngôn ngữ con người rất lí thú nhưng không nằm trong phạm trù các bài viết này. Để ý tiếng mèo kêu (thường lặp láy) là miaau (tiếng Afrikaans), mjau (Albani), miaou (Ả Rập), mijau (Croatia), miauw (Hà Lan), miaou (Pháp), miau (Đức), miau (Hungari), miyau (Do Thái), mya:u (tiếng Ấn Độ/Hindi), miao (Ý/Itali), meow (Thái), miyauv (Thổ Nhĩ Kỳ), miau (Ba Lan), mjau (Thụy Điển), myau (Nga) ... so với nyaa (Nhật), ngeong (Indônêsiya), (n)ya-ong (Đại Hàn), ngoeo (Việt) ...v.v... Nhưng khi xét các từ chỉ động vật như voi, chuồn chuồn, bướm, ong, mèo, cóc, vịt ...cũng như tên 12 con giáp thì còn các vết tích trên trong vốn từ TH hiện nay, dù rằng rất hiếm và đã biến dạng nhiều từ âm thanh đến phạm trù nghĩa. Điều này cho thấy một kết quả của một 'nước TH rời rạc' đã từng tiếp xúc với các dân tộc phương Nam thời Thượng Cổ, trước khi TH thống nhất và ngôn ngữ phản ánh dân tộc cầm quyền phương Bắc mà hệ thống âm thanh rất khác so với phương Nam.

(9) xem thêm các tác giả William Baxter (sđd), Bernhard Karlgren (sđd) và Edwin G. Pulleyblank qua cuốn 'Lexicon of reconstructed pronunciation in early Middle Chinese, late Middle Chinese and early Mandarin' (1991), 'Middle Chinese : a study in historical phonology' (Vancouver, Canada 1984). Tác giả Nguyễn Tài Cẩn qua cuốn 'Một số vấn đề về chữ Nôm' (Hà Nội, 1985) và 'Lịch sử ngữ âm tiếng Việt' (Hà Nội, 1995) cũng phân tách các khuynh hướng biến âm trên như Lê Văn Quán qua cuốn 'Nghiên cứu về chữ Nôm' (Hà Nội, 1981)

(10) yêu HV có phạm trù nghĩa không rõ ràng : có thể là cái lưng, thận hay thường dùng hơn là cái eo. Các từ chỉ bộ phận con người như bảng (bả vai, cánh tay trên, bong bóng..), đố (bụng, dạ dày..), cổ (bắp vế, hông..) có nghĩa không chính xác vì quá rộng hay mơ hồ, và trải qua một thời gian rất lâu - tương ứng với hiện tượng đặt tên các loài thú như mèo-thỏ, rồng (không có định nghĩa rõ ràng), rắn (trăn, lươn ?) ... Khuynh hướng phương Tây đi vào chi tiết các tên gọi như trong tiếng Anh, thỏ là rabbit, hare, pika, cottontail, bunny (hay bunny rabbit), coney (hay cony), buck (thỏ đực), doe (thỏ cái); Mèo tiếng Anh là cat, tom

(mèo đực, hay tomcat), queen (mèo cái), một đàn mèo gọi là clowder ...v.v... so sánh với hai chữ thỏ/thổ và mèo trong vốn từ tiếng Việt. Các loài vật được phân loại theo họ, chi ... theo hệ thống rõ ràng như sau (rất tóm tắt)

Phân loại Khoa Học Thỏ Mèo

Kingdom Animalia Animalia

Phylum Chordata Chordata

Class Mammalia Mammalia

Order Lagomorpha Carnivora

Family Leporidae Felidae

.....

Các chi được chia thành những chi động vật phụ (*genus*) như mèo (nhà) thuộc chi Felis, và nhánh phụ (*species*) là F. Silvestris ...v.v... Những cách phân loại rõ ràng và dữ kiện về giải phẫu (anatomy), quá trình tiến hoá (evolution) làm cho ta dễ phân biệt hơn thay vì các cách gọi tên rất mơ hồ của thời xưa!

(11) **thâm** HV có thể liên hệ đến **đêm, đen** ...là các tiếng thường gặp trong ngôn ngữ họ Nam Á (Austroasiatic) hay nhánh Môn-Khme. Tại sao như vậy ? Ta hãy nhìn từ **đen** của tiếng Mường là tēm hay zēm (phụ âm t- và z- đầu, liên hệ đến t/đ- và sh-), bếtăm (tiếng Môn), tam/yong (Kơtu), đăm (Thái), đơm (Li), hitam (Mã Lai, Chăm) ... so với từ **đêm** của tiếng Mường là lēm, tēm và mlăm, pđăm (Chăm), rēm, mlăm (Thái), đăm (Nùng), đēm (Aslian), tēm/tăm/đum, htēm, btēm (Môn) ... cho thấy có thể các dạng trên đều cùng một gốc (phương Nam) mà ra. Trong vốn từ tiếng TH hiện nay có chữ đām HV ít dùng với giọng BK bây giờ là tán, tam⁴ QĐ, tam² Hẹ so với tham⁵ Ngô viết bằng bộ á nghĩa là sâu đām. Đām HV viết bằng bộ thủy hợp với chữ đām HT nghĩa là cái đām (sâu), đām HV viết bằng bộ mã hợp với chữ đām HT nghĩa là con ngựa đen... cho thấy tàn tích của *đām (đām, đen) của phương Nam trong tiếng TH.

(12) hiện tượng rút ngắn âm cuối thường xảy ra trong họ Ấn-Âu như trong tiếng Anh chữ morning trở thành morn, photograph trở thành photo, tên riêng Alexander trở thành Alex, Thomas thành Tom ... Cinéma (tiếng Pháp) trở thành xi nê ... Không những là một cách tạo 'chữ' mới, khuynh hướng rút gọn trên cũng là luật ngữ pháp căn bản cho một số ngôn ngữ như tiếng Tây Ban Nha : thí dụ như uno (một) nhưng khi viết thành un mundo (một thế giới) thì âm cuối -o của uno mất đi...v.v...

(13) chữ thổ/thỏ và miễn viết giống nhau thời Xuân Thu theo các tác giả Triệu Bá Bình và Thời Học Tường, chủ biên cuốn "Lâm Ngữ Thú Thoại" - bản dịch ra tiếng Việt - NXB Văn Hoá Thông Tin - Hà Nội (2005)... 'âm đọc của thổ và miễn rất gần nhau, do đó người xưa đã dùng âm đọc của miễn để biểu thị chữ oan...' (trang 489)

(14) theo từ điển 'Việt-Mông' tác giả Thào Seo Sinh, Phan Xuân Thành và Phan Thanh – NXB Giáo Dục – Hà Nội (1999) : chi thứ tư Mão đọc là mir (mèo) hay luôr (thỏ). Dân tộc Hmông (hay **Mông, Mèo, Miêu**) có những đặc tính giống tộc Việt như truyền thống con rồng cháu tiên, rất thích âm nhạc (nhảy múa), dùng trống đồng trong âm nhạc cổ truyền, cũng thuộc về bộ lạc Si Vưu ...v.v... Người viết chưa đọc được một văn bản hay dữ kiện khảo cổ nào liên hệ tên 12 con giáp đến văn hoá cổ đại của dân tộc Mông, cũng như dân tộc Lê (ở đảo Hải Nam, thuộc nhóm Bách Việt) vẫn còn tập tục xăm mình và gọi tên ngày theo tên 12 con giáp. Đây là những vấn đề cần phải khảo cứu thêm để soi sáng rõ nguồn gốc tên 12 con giáp thời Thượng Cổ.